

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2018 - Nguồn kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế và Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM

Căn cứ Quyết định số 04/2017/QĐ-UBND ngày 21/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải Quảng Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông báo số 1597/TB-CĐTNĐ ngày 16/9/2019 của Cục đường thủy nội địa Việt Nam về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2018 - nguồn kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế đường thủy nội địa Trung ương;

Căn cứ Thông báo số 301/TB-TCĐBVN ngày 24/9/2019 của Tổng cục đường bộ Việt Nam - nguồn kinh phí Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2018 của Sở Giao thông vận tải Quảng Nam - Nguồn kinh phí chi hoạt động sự nghiệp kinh tế và Quỹ bảo trì đường bộ Trung ương (chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng, và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3; 
- Bộ GTVT;
- TCĐB VN; Cục ĐTNĐ VN;
- Lưu: VT.

e:\le hau\van ban\quyet dinh\
cong khai dt, qt\nam 2019\qt 2018.doc

GIÁM ĐỐC 



Lê Văn Sinh

PHỤ LỤC 01

CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2018

Nguồn kinh phí chi hoạt động Sự nghiệp kinh tế và Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương

(Kèm theo Quyết định số ~~154~~/QĐ-SGTVT ngày ~~04/5~~/2020 của Sở GTVT Quảng Nam)

DVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	192.720.794	192.142.181	-578.613
A	Nguồn ngân sách trong nước	192.720.794	192.142.181	-578.613
I	Chi hoạt động kinh tế	192.720.794	192.142.181	-578.613
I.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
I.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	192.720.794	192.142.181	-578.613
1	Quỹ bảo trì đường bộ	183.583.160	183.004.547	-578.613
1.1	Bảo dưỡng thường xuyên	23.114.935	23.114.935	0
	Quốc lộ 14B	2.562.935	2.562.935	
	Quốc lộ 14D	4.059.000	4.059.000	
	Quốc lộ 14E	4.623.000	4.623.000	
	Quốc lộ 24C	788.000	788.000	
	Quốc lộ 40B	7.436.000	7.436.000	
	Quốc lộ 14H	3.646.000	3.646.000	
1.2	Sửa chữa định kỳ	83.901.435	83.901.435	0
	Quốc lộ 14B	6.132.512	6.132.512	0
	Công trình chuyển tiếp	182.512	182.512	0
	Sửa chữa cục bộ mặt đường và sửa chữa, bổ sung rãnh dọc, gia cố lề đường từ Km50+126-Km73+971; Sơn tim đường các vị trí bị mờ đoạn Km50-Km73	182.512	182.512	
	Công trình mới	5.950.000	5.950.000	0
	Sơn tim đường vị trí bị mờ từ Km32-Km50; sơn gờ giảm tốc và vạch sơn cho người đi bộ từ Km50-Km73; sửa chữa, thay thế hệ lan mềm bị hư hỏng từ Km34-Km70 và bổ sung biển báo trên tuyến	700.000	700.000	
	Sửa chữa cục bộ mặt đường các đoạn từ Km32-Km73	5.250.000	5.250.000	
	Quốc lộ 14D	4.333.000	4.333.000	0
	Công trình chuyển tiếp	133.000	133.000	0
	Sửa chữa cục bộ mặt đường các đoạn Km4+995-Km5+185; Km6+975-Km7+331; Km7+450-Km7+700; Km7+876-Km8+308; Km15+200-Km15+500; Km18+801-Km19+100; Km28+00-Km28+414; Km28+770-Km29+100; Km29+850-Km30+200; Km32+665-Km32+890; Km32+935-Km33+176; Km35+915-Km36+074	26.000	26.000	
	Sửa chữa gia cố lề, bổ sung rãnh dọc, gương cầu lồi; sửa khe co giãn cầu Dring, cống Km65+050	107.000	107.000	

V. Ho

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Công trình mới	4.200.000	4.200.000	0
	Sửa chữa cục bộ mặt đường các đoạn Km16-Km17 và Km25-Km73; sửa chữa, thay thế hệ lan mềm các đoạn từ Km12-Km51	4.200.000	4.200.000	
	Quốc lộ 14E	19.517.732	19.517.732	0
	Công trình chuyển tiếp	528.732	528.732	0
	Sửa chữa mặt đường các đoạn từ Km0-Km8+250; Km16+320-Km87+595; Gia cố lề đường + rãnh dọc bằng BTXM các đoạn từ Km7+300-Km81+270	528.732	528.732	
	Công trình mới	18.989.000	18.989.000	0
	Sửa chữa các vị trí nền mặt đường thuộc đoạn Km0+00-Km9+00; Km31+00-Km78+00 và Sửa chữa bổ sung rãnh dọc thoát nước trong đoạn Km0+00-Km78+00	12.129.000	12.129.000	
	Sơn tim đường và gờ giảm tốc các đoạn Km0-Km10, Km23-Km26 và Km32-Km90; gia cố lề, rãnh dọc từ Km73+540-Km86+010; Bổ sung cống hộp thoát nước Km2+990, Km89+370	1.960.000	1.960.000	
	Sửa chữa hư hỏng cục bộ nền, mặt đường từ Km21+180-Km89+480	4.900.000	4.900.000	
	Quốc lộ 24C	1.715.000	1.715.000	0
	Công trình mới	1.715.000	1.715.000	0
	Sơn tim đường và gờ giảm tốc các đoạn Km93-Km95, bổ sung, sửa chữa biển báo, cọc tiêu, cọc H, gương cầu trên tuyến; sửa chữa mặt đường và gia cố lề, mương thoát nước các đoạn từ km81-Km89	1.715.000	1.715.000	
	Quốc lộ 40B	52.203.191	52.203.191	0
	Công trình chuyển tiếp	41.528.191	41.528.191	0
	Sửa chữa cục bộ mặt đường đoạn từ Km2+850-Km139+710 ; Gia cố lề và rãnh dọc các đoạn từ Km10+310-Km100+140; Bổ sung thay thế 09 vị trí cống qua đường (Km17+285; Km35+510; Km36+080; Km37+210; Km43+870; Km43+960; Km53+825; Km77+200; Km81+080)	9.469.993	9.469.993	
	Sửa chữa các vị trí hư hỏng nền, mặt đường các đoạn Km62+080-Km96+830; SC bổ sung rãnh thoát nước đoạn Km60+300-Km87+250 và bổ sung 03 đoạn tường chắn taluy âm bị sạt lở	32.058.198	32.058.198	
	Công trình mới	10.675.000	10.675.000	0
	Sơn tim đường và gờ giảm tốc các đoạn Km2-Km7, Km56-Km86 và Km88-Km126; sửa chữa bổ sung biển báo, cọc tiêu, cọc H, gương cầu và sơn hệ lan cứng trên tuyến	2.450.000	2.450.000	
	Sửa chữa tứ nón, sân và sơn dặm 04 cầu (cầu khánh Thọ, cầu Suối Đá, cầu Vôi và cầu Ông Đề); Bổ sung các đoạn mương kín qua KDC từ Km31-Km66; làm mới 04 cống Km20+610, Km28+575, Km29+094, Km134+750	1.225.000	1.225.000	

lho

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường các đoạn từ Km2-Km62	4.900.000	4.900.000	
	Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường các đoạn từ Km106-Km121	2.100.000	2.100.000	
1.3	Sửa chữa đột xuất	76.041.699	76.041.699	0
	Khắc phục bão lũ bước 1	54.473.699	54.473.699	0
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, Quốc lộ 40B, đoạn Km36-Km116+700 tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 30/10/2017 đến ngày 10/11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)	12.512.624	12.512.624	
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, các tuyến Quốc lộ 14B, Quốc lộ 14D tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 04/11/2017 đến ngày 10/11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)	2.011.874	2.011.874	
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, tuyến Quốc lộ 14E đoạn Km0+00-Km89+432 , tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 04/11/2017 đến ngày 10/11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)	5.434.463	5.434.463	
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, Quốc lộ 14E tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 03/10/2017 đến ngày 20/11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)	1.860.637	1.860.637	
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, tuyến Quốc lộ 24C đoạn Km80+365-Km94+540 tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 04/11/2017 đến ngày 10/11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)	8.661.968	8.661.968	
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, tuyến Quốc lộ 40B đoạn Km116+800-Km122+480 và đoạn Km122+850-Km140+950 tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 30/10/2017 đến ngày 10/11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)	9.982.539	9.982.539	
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, Quốc lộ 40B, tại Km8+500-Km14+00 tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 03/10/2017 đến ngày 20/11/2017)	1.777.000	1.777.000	
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 tại 8 điểm sạt lở taluy âm tại các lý trình Km71+760, Km72+205, Km72+725, Km72+918, Km73+080, Km73+840, Km75+105 và Km104+980 Quốc lộ 40B , tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 03/10/2017	7.755.594	7.755.594	

luc

STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch
	Khắc phục hậu quả lụt, bão, BĐGT bước 1 năm 2017, tuyến Quốc lộ 40B tại Km122+600 tỉnh Quảng Nam (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lớn kéo dài từ ngày 30/10/2017 đến ngày 10/11/2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam)	4.477.000	4.477.000	
	Sửa chữa đột xuất	21.568.000	21.568.000	0
	Sửa chữa đột xuất đoạn sạt lở taluy âm tại Km64+294- Km64+434, QL14E	1.609.000	1.609.000	
	Sửa chữa đột xuất đoạn Km11+150-Km14+00, QL 40B	4.093.000	4.093.000	
	Sửa chữa đột xuất cấp bách để đảm bảo ATGT các vị trí nền mặt đường, công trình hư hỏng đoạn Km48-Km141 Quốc lộ 40B	7.946.000	7.946.000	
	Sửa chữa đột xuất cấp bách cống thoát nước và nền mặt đường tại Km84+100, Km85+300 và Km89+350 để đảm bảo ATGT QL 24C	4.302.000	4.302.000	
	Sửa chữa đột xuất cấp bách 6 vị trí taluy âm Km1+690, Km15+900, Km20+450, Km55+025, Km65+000, Km69+410; mố cầu Km52+025, cống Km58+000 để đảm bảo ATGT QL 14D	3.618.000	3.618.000	
1.4	Công tác khác	525.091	525.091	0
	Kiểm định cầu Bảy Trầu, QL 14B	123.154	123.154	
	Kiểm định cầu Thanh Niên, Dốc Đỏ, Cầu 70, QL14E	401.937	401.937	
1.5	Giảm trừ giá trị quyết toán năm trước	0	-578.613	-578.613
	Sửa chữa cục bộ nền mặt đường đoạn Km84+050- Km137+100; sửa chữa cải tạo các đoạn rãnh dọc từ Km18+00-Km84+460; sửa chữa 03 ngàm tràn Km38+420, Km41+140, Km43+060 QL 40B		-32.265	-32.265
	Giảm trừ giá trị quyết toán theo Thanh tra Bộ GTVT các dự án thực hiện 2015-2017		-546.348	-546.348
2	Chi hoạt động kinh tế đường thủy nội địa	9.137.634	9.137.634	0
2.1	Bảo dưỡng thường xuyên	9.137.634	9.137.634	0
	Quản lý, bảo trì tuyến ĐTNĐ quốc gia	9.137.634	9.137.634	0
	Sông Vĩnh Điện	899.750	899.750	
	Sông Trường Giang	2.753.312	2.753.312	
	Sông Thu Bồn	3.086.772	3.086.772	
	Tuyến Cửa Đại - Cù Lao Chàm	1.528.691	1.528.691	
	Sông Hội An	869.109	869.109	